

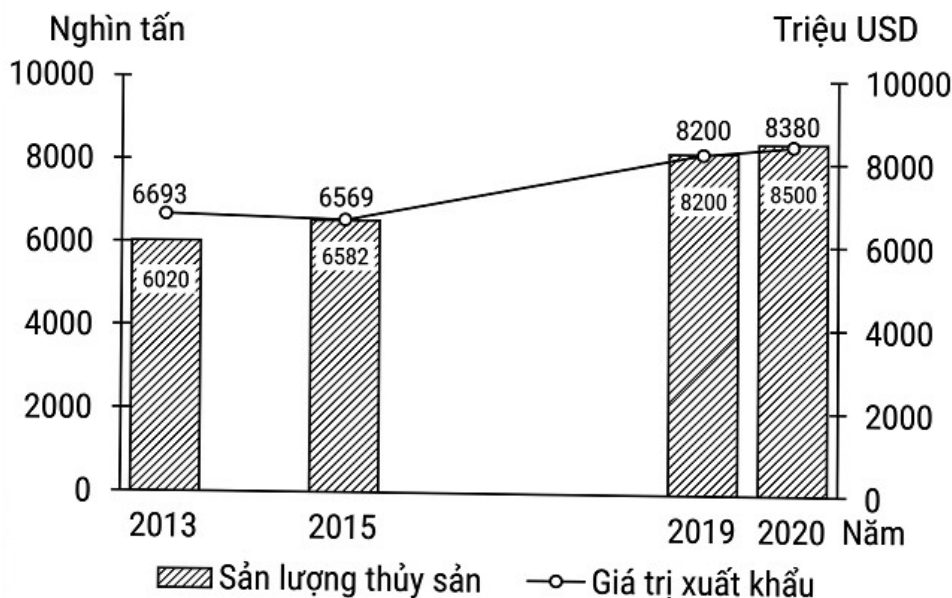
Họ và tên:

Số báo danh:

Mã đề 0601

PHẦN I. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 18. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.

- Câu 1.** Biểu hiện tính nhiệt đới ẩm gió mùa qua thành phần đất ở nước ta là
- A. có nhiều loại đất, phân bố thành các vùng tập trung.
 - B. quá trình hình thành đất diễn ra nhanh, hình thành nên nhiều dạng địa hình.
 - C. hình thành đất pha cát màu mỡ ở các vùng cửa sông.
 - D. quá trình hình thành đất feralit diễn ra nhanh với tầng phong hoá dày.
- Câu 2.** Thuận lợi chủ yếu để phát triển công nghiệp ở Trung du và miền núi phía Bắc là
- A. nguồn khoáng sản đa dạng và năng lượng dồi dào, giá rẻ.
 - B. vị trí địa lý chiến lược, nằm trong vùng kinh tế trọng điểm.
 - C. cơ sở vật chất kĩ thuật, hạ tầng được chú trọng phát triển.
 - D. dân đông, chất lượng nguồn lao động dần được nâng lên.
- Câu 3.** Thế mạnh chủ yếu để phát triển du lịch ở Đồng bằng sông Hồng là
- A. vị trí thuận lợi, dân đông, nhiều đô thị, kinh tế phát triển.
 - B. lao động có trình độ, giao thông đồng bộ, tài nguyên phong phú.
 - C. nhiều tài nguyên du lịch, mức sống dân cư tăng, cơ sở hạ tầng tốt.
 - D. địa hình đa dạng, khí hậu phân hóa theo mùa, nhiều di tích, lễ hội.
- Câu 4.** Đặc điểm nào sau đây đúng với mạng lưới giao thông đường bộ ở nước ta hiện nay?
- A. Đã phủ kín cả nước và hình thành các trục đường xuyên quốc gia.
 - B. Chưa hình thành được các đầu mối giao thông quan trọng ở hai miền Bắc - Nam.
 - C. Các tuyến đường Đông - Tây là trục giao thông chính ở nước ta.
 - D. Đường Hồ Chí Minh có ý nghĩa thúc đẩy kinh tế - xã hội ở phía đông nước ta.
- Câu 5.** Điểm cực bắc trên đất liền của nước ta thuộc tỉnh nào?
- A. Thanh Hóa.
 - B. Cà Mau.
 - C. Sơn La.
 - D. Tuyên Quang.
- Câu 6.** Hạn hán ở nước ta
- A. chỉ xảy ra ở miền núi.
 - B. xảy ra trong mùa khô.
 - C. kéo dài nhất tại miền Bắc.
 - D. chỉ có tại nơi khuất gió.
- Câu 7.** Hạn chế trong phát triển ngành thủy sản ở nước ta hiện nay là
- A. khả năng mở rộng diện tích nuôi trồng hạn chế.
 - B. thiếu lao động có kinh nghiệm sản xuất.
 - C. khí hậu diễn biến thất thường, nhiều thiên tai.
 - D. chưa thâm nhập được vào các thị trường khó tính.
- Câu 8.** Thuận lợi cho phát triển nuôi trồng thủy sản ở Nam Trung Bộ là
- A. ít thiên tai bão lụt, nhiều giờ nắng.
 - B. các ngư trường xa bờ giàu hải sản.
 - C. có nhiều vịnh biển, đầm phá lớn.
 - D. có nhiều bãi tôm, bãi cá ven biển.
- Câu 9.** Thế mạnh nào sau đây tạo cho Đồng bằng sông Hồng có khả năng phát triển mạnh cây vụ đông?
- A. Nguồn nước phong phú.
 - B. Khí hậu có mùa đông lạnh.
 - C. Ít có thiên tai.
 - D. Đất phù sa màu mỡ.
- Câu 10.** Cho biểu đồ sau



Sản lượng, giá trị xuất khẩu thủy sản của nước ta giai đoạn 2013-2020

(Số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2021, NXB Thống kê, 2022)

Nhận xét nào sau đây đúng?

- A. Giá trị xuất khẩu thủy sản từ năm 2013 đến 2015 tăng mạnh.
- B. Sản lượng thủy sản từ năm 2013 – 2020 tăng liên tục.
- C. Giá trị xuất khẩu thủy sản tăng liên tục qua các năm.
- D. Sản lượng thủy sản giảm liên tục qua các năm.

Câu 11. Phát biểu nào sau đây đúng với chất lượng lao động của nước ta hiện nay?

- A. Có thể lực tốt, đa số lao động có trình độ đại học trở lên.
- B. Năng động nhưng tiếp thu khoa học và công nghệ hạn chế.
- C. Cần cù, sáng tạo, kinh nghiệm trong sản xuất công nghiệp.
- D. Chất lượng được nâng lên nhờ thành tựu kinh tế, giáo dục.

Câu 12. Trung du và miền núi phía Bắc không có thế mạnh kinh tế nào sau đây?

- A. Khai thác và chế biến khoáng sản.
- B. Trồng cây công nghiệp, rau quả.
- C. Phát triển kinh tế biển.
- D. Phát triển chăn nuôi gia súc lớn.

Câu 13. Du lịch biển ở vùng Nam Trung Bộ phát triển mạnh chủ yếu do

- A. nhiều đảo, quần đảo với hệ sinh thái đa dạng, tiếp giáp vùng biển sâu.
- B. đường bờ biển dài, nhiều vũng vịnh kín gió, nhiều đảo, bán đảo ven bờ.
- C. cơ sở hạ tầng cao, nhiều vũng vịnh, đầm phá, nhiều bãi tắm rộng nổi tiếng.
- D. khí hậu cận xích đạo, nóng quanh năm, nhiều bãi tắm, thắng cảnh đẹp.

Câu 14. Phần lớn sông ngòi nước ta có đặc điểm ngắn và dốc do các nhân tố chủ yếu nào sau đây?

- A. Khí hậu và sự phân bố địa hình.
- B. Hình dạng lãnh thổ và địa hình.
- C. Hình dạng lãnh thổ và khí hậu.
- D. Địa hình, sinh vật và thổ nhưỡng.

Câu 15. Mục đích chủ yếu của việc phát triển nông nghiệp tuần hoàn là

- A. giảm thiểu tác động đến môi trường.
- B. nâng cao năng suất và giá trị sản phẩm.
- C. tái sử dụng các chất thải và phế phẩm.
- D. sản xuất các sản phẩm an toàn, chất lượng.

Câu 16. Sau khi sáp nhập thực hiện chính quyền địa phương 2 cấp, hiện nay nước ta có bao nhiêu thành phố?

- A. 6 thành phố.
- B. 7 thành phố.
- C. 8 thành phố.
- D. 5 thành phố.

Câu 17. Mục đích chủ yếu của việc nâng cấp các cảng nước sâu ở Bắc Trung Bộ là

- A. thu hút đầu tư trong nước, tạo năng suất lao động cao, phát huy được vị thế.
- B. phát huy thế mạnh, thúc đẩy hiện đại hóa đội tàu biển, nâng cao năng lực cảng biển.
- C. tăng vận tải hàng hóa, đẩy mạnh phát triển giao thông, thúc đẩy sản xuất phát triển.
- D. đẩy mạnh phát triển các khu kinh tế ven biển, thu hút đầu tư, tăng vận tải quốc tế.

Câu 18. Sự suy giảm sinh vật ở nước ta không có biểu hiện nào sau đây?

- A. Suy giảm thể trạng các loài.
- B. Suy giảm tài nguyên rừng.
- C. Suy giảm cá thể ở các loài.
- D. Suy giảm về số lượng loài.

PHẦN II. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1. Năm 2023, sản lượng lúa của Đồng bằng sông Hồng vụ lúa đông xuân là 3 172,6 nghìn tấn, lúa mùa 2 637,8 nghìn tấn; diện tích lần lượt 476,9 nghìn ha, 460,2 nghìn ha. (Nguồn: <https://gso.gov.vn>)

- a) Sản lượng lúa đông xuân thấp hơn lúa mùa.
- b) Đồng bằng sông Hồng có điều kiện khí hậu, đất đai và địa hình, nguồn nước thích hợp cho sản xuất lúa.
- c) Năng suất lúa đông xuân năm 2023 đạt 66,6 tạ/ha, cao hơn năng suất lúa mùa 57,3 tạ/ha.
- d) Đồng bằng sông Hồng là vùng có năng suất lúa cao, chủ yếu nhờ đẩy mạnh khai hoang, mở rộng diện tích gieo trồng lúa.

Câu 2. Cho bảng số liệu:

Số lượng trâu và bò của vùng Trung du và miền núi phía Bắc giai đoạn 2010 – 2024

(Đơn vị: triệu con)

Vật nuôi	2010	2015	2024
Trâu	1,6	1,4	1,2
Bò	0,9	1,2	1,1

(Nguồn: Tổng cục Thống kê, 2015 và 2024)

- a) Số lượng trâu và bò của vùng Trung du và miền núi phía Bắc liên tục tăng nhanh.
- b) Biểu đồ thích hợp nhất thể hiện số lượng trâu, bò của vùng Trung du và miền núi phía Bắc giai đoạn 2010 - 2024 là biểu đồ cột ghép.
- c) Đàn trâu có tốc độ tăng trưởng chậm hơn đàn bò.
- d) Đàn trâu của vùng Trung du và miền núi phía Bắc ngày càng giảm do cơ sở thức ăn không được đảm bảo.

Câu 3. Cho thông tin sau:

Công nghiệp sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính là ngành xuất hiện muộn hơn so với các ngành công nghiệp khác. Cơ cấu của ngành rất đa dạng, gồm các lĩnh vực như sản xuất linh kiện điện tử, sản xuất máy vi tính, điện thoại di động, thiết bị điện dân dụng.

- a) Giải pháp để đẩy mạnh sản xuất sản phẩm điện tử là đầu tư cơ sở hạ tầng.
- b) Nước ta thu hút được nguồn vốn đầu tư nước ngoài lớn cho ngành sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính do có lực lượng lao động trẻ, dồi dào, giá rẻ.
- c) Khó khăn chủ yếu đối với phát triển các khu vực sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính là diện tích mặt bằng hạn chế.
- d) Sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính là một trong các ngành công nghiệp mũi nhọn ở nước ta hiện nay.

Câu 4. Cho thông tin sau:

Hệ thống gió mùa mùa đông thường được gọi là gió mùa Đông Bắc hoạt động chủ yếu trong thời kì mùa đông, mang đến nước ta các khối không khí lạnh ở vùng cực đới làm cho nước ta có một mùa đông lạnh so với các vùng có cùng vĩ tuyến tương tự.

(Nguồn: Giáo trình Địa lí tự nhiên Việt Nam 1)

- a) Gió mùa Đông Bắc hoạt động trên phạm vi cả nước.
- b) Nửa đầu mùa đông, gió mùa Đông Bắc đi qua lục địa thổi vào nước ta gây ra thời tiết lạnh khô cho miền Bắc.
- c) Hoạt động của gió mùa Đông Bắc đã tạo thuận lợi cho miền Bắc trồng các cây có nguồn gốc cận nhiệt, ôn đới.
- d) Gió mùa Đông Bắc xuất phát từ áp cao Xi-bia thổi xuống nước ta theo từng đợt.

PHẦN III. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6.

Câu 1. Theo số liệu thống kê của Tổng cục Thống kê Việt Nam: Năm 2024, tổng diện tích lúa đông xuân nước ta là 2 954,1 nghìn ha với sản lượng đạt 20 333,9 nghìn tấn.

Hãy cho biết năng suất lúa đông xuân nước ta năm 2024 đạt bao nhiêu tạ/ha (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân)?

Câu 2. Cho bảng số liệu:

Số lượng trâu, bò ở Trung du và miền núi phía Bắc giai đoạn 2010 – 2024

(Đơn vị: triệu con)

Vật nuôi	2010	2015	2024
Trâu	1,6	1,4	1,2
Bò	0,9	1,2	1,1

(Nguồn: Tổng cục Thống kê, 2015 và 2024)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, cho biết tổng số lượng trâu và bò của vùng Trung du và miền núi phía Bắc năm 2024 là bao nhiêu triệu con?

Câu 2. Cho bảng số liệu:
Dân số thành thị trung bình và dân số nông thôn trung bình ở đồng bằng sông hồng năm 2023
(Đơn vị: Nghìn người)

Năm	2023
Dân số	
Dân số thành thị trung bình	9233,3
Dân số nông thôn trung bình	14499,1

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2023)

Căn cứ vào bảng số liệu, hãy cho biết tỉ lệ dân số thành thị trong tổng số dân của Đồng bằng sông Hồng năm 2023 (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân)?

Câu 3. Cho bảng số liệu:
Diện tích cây lâu năm và cây ăn quả của nước ta, giai đoạn 2010 - 2024
(Đơn vị: nghìn ha)

Năm	2010	2015	2020	2024
Cây lâu năm	2010,5	2154,5	2185,8	2168,8
Cây ăn quả	779,7	824,4	1135,2	1297,7

(Nguồn Niên giám thống kê năm 2024)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, cho biết tốc độ tăng trưởng giai đoạn 2010 - 2024 của cây ăn quả cao hơn cây lâu năm bao nhiêu % (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân)?

Câu 4. Năm 2024, trị giá xuất khẩu hàng hóa của nước ta là 405,9 tỉ đô la Mỹ, trị giá nhập khẩu hàng hóa là 381,0 tỉ đô la Mỹ. Vậy cán cân xuất nhập khẩu hàng hóa của nước ta năm 2024 là bao nhiêu tỉ đô la Mỹ (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị)?

Câu 5. Cho bảng số liệu:
Nhiệt độ trung bình tháng tại trạm quan trắc Hà Nội (Láng), năm 2024

(Đơn vị: °C)

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Nhiệt độ	18,4	19,6	22,1	28,3	28,8	30,9	30,4	30,4	29,2	27,6	25,2	19,6

(Nguồn Niên giám thống kê năm 2024)

Căn cứ bảng số liệu trên, hãy cho biết biên độ nhiệt độ năm tại trạm quan trắc Hà Nội (Láng), năm 2024 là bao nhiêu °C (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân)?

Câu 6. Năm 2024, tổng GDP nước ta là 11 511,8 nghìn tỉ đồng, trong đó GDP của dịch vụ chiếm 42,4%. Hãy cho biết trị giá GDP của ngành dịch vụ của nước ta năm 2024 là bao nhiêu nghìn tỉ đồng (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị)?

----- HẾT -----
ĐÁP ÁN

PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 18. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án

1. D	2. A	3. C	4. A	5. D	6. B	7. C	8. C	9. B	10. B
11. D	12. C	13. D	14. B	15. C	16. A	17. D	18. A		

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai

Câu	1	2	3	4
Đáp án	SDĐS	SDĐS	SDSĐ	SDĐĐ

PHẦN III. Câu trắc nghiệm trả lời ngắn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6

Câu	1	2	3	4	5	6
Đáp án	68,8	38,9	58,6	25	12,5	4881

LỜI GIẢI CHI TIẾT THAM KHẢO

PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 18. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án

Câu 1. Đáp án D

Biểu hiện tính nhiệt đới ẩm gió mùa qua thành phần đất ở nước ta là: quá trình hình thành đất feralit diễn ra nhanh với tầng phong hoá dày.

Giải thích:

Khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa có nhiệt độ cao, mưa nhiều, độ ẩm lớn làm cho quá trình **phong hoá hoá học** diễn ra mạnh. Vì vậy, ở nước ta hình thành phổ biến **đất feralit** với **tầng phong hoá dày**.

- A đúng một phần về đất đa dạng nhưng không phản ánh rõ nhất tính **nhiệt đới ẩm gió mùa**.
- B nói sang địa hình, không đúng trọng tâm hỏi về đất.
- C không phải biểu hiện tiêu biểu trên phạm vi cả nước.

Câu 2. Đáp án A

Thuận lợi chủ yếu để phát triển công nghiệp ở Trung du và miền núi phía Bắc là: nguồn khoáng sản đa dạng và năng lượng dồi dào, giá rẻ.

Giải thích:

Vùng này có nhiều khoáng sản như than, sắt, đồng, chì, kẽm, apatit... đồng thời có tiềm năng **thủy điện rất lớn**. Đây là thế mạnh nổi bật nhất để phát triển công nghiệp, nhất là công nghiệp khai khoáng, luyện kim, năng lượng.

- B sai vì vùng này **không nằm trọn trong vùng kinh tế trọng điểm**.
- C và D là thuận lợi có thật nhưng **không phải chủ yếu nhất**.

Câu 3. Đáp án C

Thế mạnh chủ yếu để phát triển du lịch ở Đồng bằng sông Hồng là: nhiều tài nguyên du lịch, mức sống dân cư tăng, cơ sở hạ tầng tốt.

Giải thích:

Đồng bằng sông Hồng có:

- nhiều tài nguyên du lịch tự nhiên và nhân văn,
- nhiều di tích lịch sử, văn hoá, lễ hội,
- dân cư đông, thu nhập và nhu cầu du lịch lớn,
- cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất phục vụ du lịch khá phát triển.

Phương án C khái quát đầy đủ nhất cả **nguồn tài nguyên, thị trường khách, và điều kiện phục vụ**.

- A thiên về vị trí, dân cư, đô thị.
- B chưa nêu bật thị trường và tài nguyên nhân văn.
- D đúng nhưng chưa đầy đủ bằng **C**.

Câu 4. Đáp án A

Đặc điểm đúng với mạng lưới giao thông đường bộ nước ta hiện nay: đã phủ kín cả nước và hình thành các trục đường xuyên quốc gia.

Giải thích:

Mạng lưới đường bộ nước ta phát triển rộng khắp, gồm các tuyến quan trọng như:

- quốc lộ 1,
- đường Hồ Chí Minh,
- các tuyến xuyên Á,
- nhiều tuyến kết nối các vùng.
- B sai vì nước ta đã có các đầu mối giao thông quan trọng như Hà Nội, TP.HCM, Đà Nẵng...
- C sai vì trục chính vẫn là **Bắc – Nam**, không phải Đông – Tây.
- D sai vì đường Hồ Chí Minh chủ yếu có ý nghĩa lớn với khu vực **phía tây** đất nước.

Câu 5. Đáp án D

Điểm cực bắc trên đất liền của nước ta thuộc tỉnh: Tuyên Quang.

Giải thích:

Theo đáp án của đề, chọn **D**.

Câu 6. Đáp án B

Hạn hán ở nước ta: xảy ra trong mùa khô.

Giải thích:

Hạn hán là hiện tượng thiếu nước kéo dài, thường diễn ra vào **mùa khô**, khi lượng mưa ít, bốc hơi mạnh, nguồn nước sông hồ suy giảm.

- A sai vì hạn hán không chỉ ở miền núi.
- C sai vì không phải miền Bắc kéo dài nhất.
- D sai vì hạn hán không chỉ có ở nơi khuất gió.

Câu 7. Đáp án C

Hạn chế trong phát triển ngành thủy sản ở nước ta hiện nay là: khí hậu diễn biến thất thường, nhiều thiên tai.

Giải thích:

Ngành thủy sản phụ thuộc lớn vào điều kiện tự nhiên. Biến đổi khí hậu, bão, áp thấp nhiệt đới, xâm nhập mặn, lũ lụt, nắng nóng... gây nhiều khó khăn cho cả **khai thác** và **nuôi trồng** thủy sản.

- A chưa đúng vì nước ta vẫn còn khả năng mở rộng ở nhiều nơi.
- B sai vì lao động thủy sản khá dồi dào, có kinh nghiệm.
- D có thể là khó khăn nhưng không phải hạn chế nổi bật nhất hiện nay.

Câu 8. Đáp án C

Thuận lợi cho phát triển nuôi trồng thủy sản ở Nam Trung Bộ là: có nhiều vịnh biển, đầm phá lớn.

Giải thích:

Nam Trung Bộ có nhiều vũng, vịnh, đầm phá, mặt nước ven biển thuận lợi cho nuôi tôm, cá, thủy sản nước mặn và nước lợ.

- A không chính xác vì khu vực này vẫn chịu thiên tai.
- B nói về khai thác xa bờ, không phải nuôi trồng.
- D cũng thiên về khai thác hơn nuôi trồng.

Câu 9. Đáp án B

Thế mạnh tạo cho Đồng bằng sông Hồng có khả năng phát triển mạnh cây vụ đông là: khí hậu có mùa đông lạnh.

Giải thích:

Mùa đông lạnh là điều kiện rất thuận lợi để trồng các cây vụ đông như khoai tây, bắp cải, su hào, cà chua... Đây là thế mạnh riêng nổi bật của Đồng bằng sông Hồng so với nhiều vùng khác.

- A và D là điều kiện quan trọng cho nông nghiệp nói chung, nhưng không giải thích riêng cho **vụ đông**.
- C không đúng vì vùng vẫn có thiên tai.

Câu 10. Đáp án B

Nhận xét đúng từ biểu đồ: sản lượng thủy sản từ năm 2013 – 2020 tăng liên tục.

Giải thích:

Quan sát biểu đồ cho thấy:

- **sản lượng thủy sản** tăng đều qua các năm,
- còn **giá trị xuất khẩu** không tăng liên tục tuyệt đối.

Vì vậy:

- B đúng.
- C sai vì giá trị xuất khẩu có biến động.
- D sai hoàn toàn.
- A không phải nhận xét đúng nhất theo toàn giai đoạn.

Câu 11. Đáp án D

Phát biểu đúng với chất lượng lao động nước ta hiện nay: chất lượng được nâng lên nhờ thành tựu kinh tế, giáo dục.

Giải thích:

Chất lượng lao động nước ta ngày càng cải thiện do:

- giáo dục và đào tạo phát triển,
- trình độ chuyên môn, tay nghề tăng,
- chăm sóc sức khỏe tốt hơn,
- nền kinh tế phát triển làm thay đổi chất lượng nguồn nhân lực.
- A sai vì không phải đa số lao động có trình độ đại học trở lên.
- B sai vì lao động nước ta ngày càng tiếp thu tốt hơn khoa học công nghệ.
- C chưa chính xác vì kinh nghiệm nổi bật không chỉ trong công nghiệp.

Câu 12. Đáp án C

Trung du và miền núi phía Bắc không có thể mạnh kinh tế nào sau đây? Phát triển kinh tế biển.

Giải thích:

Đây là vùng chủ yếu gồm khu vực đồi núi và trung du ở phía Bắc, **không giáp biển**, nên không có thể mạnh về kinh tế biển.

Trong khi đó vùng có thể mạnh:

- khai thác và chế biến khoáng sản,
- trồng cây công nghiệp, cây ăn quả, rau cận nhiệt và ôn đới,
- chăn nuôi gia súc lớn.

Câu 13. Đáp án D

Du lịch biển ở vùng Nam Trung Bộ phát triển mạnh chủ yếu do: khí hậu cận xích đạo, nóng quanh năm, nhiều bãi tắm, thắng cảnh đẹp.

Giải thích:

Nam Trung Bộ có lợi thế nổi bật về:

- thời tiết nắng ấm nhiều,
- biển đẹp,
- nhiều bãi tắm nổi tiếng,
- cảnh quan ven biển hấp dẫn.

Đây là điều kiện rất thuận lợi để phát triển du lịch biển quanh năm.

- A và B có nêu đúng một số yếu tố nhưng chưa nêu bật nhất.
- C nói đến hạ tầng cao chưa hẳn là nguyên nhân chủ yếu trên toàn vùng.

Câu 14. Đáp án B

Phần lớn sông ngòi nước ta ngắn và dốc do: hình dạng lãnh thổ và địa hình.

Giải thích:

Nước ta có lãnh thổ **hẹp ngang**, kéo dài theo hướng Bắc – Nam, núi nhiều và địa hình dốc từ tây xuống đông. Vì vậy sông thường:

- ngắn,
- dốc,
- chảy nhanh.

Khí hậu ảnh hưởng đến chế độ nước nhưng không phải nguyên nhân chính làm sông **ngắn và dốc**.

Câu 15. Đáp án C

Mục đích chủ yếu của phát triển nông nghiệp tuần hoàn là: tái sử dụng các chất thải và phế phẩm.

Giải thích:

Bản chất của nông nghiệp tuần hoàn là:

- tận dụng phụ phẩm, phế phẩm,
- tái chế, tái sử dụng chất thải,
- giảm lãng phí tài nguyên,
- hướng đến sản xuất bền vững.
- A là hệ quả quan trọng.
- B và D cũng có thể đạt được, nhưng không phải mục đích cốt lõi nhất.

Câu 16. Đáp án A

Sau khi sáp nhập thực hiện chính quyền địa phương 2 cấp, hiện nay nước ta có: 6 thành phố.

Giải thích:

Theo đáp án kèm trong đề, câu này chọn A.

Câu 17. Đáp án D

Mục đích chủ yếu của việc nâng cấp các cảng nước sâu ở Bắc Trung Bộ là: đẩy mạnh phát triển các khu kinh tế ven biển, thu hút đầu tư, tăng vận tải quốc tế.

Giải thích:

Cảng nước sâu có vai trò rất lớn trong:

- thu hút đầu tư vào các khu kinh tế ven biển,
- mở rộng giao thương quốc tế,
- tăng năng lực xuất nhập khẩu,
- thúc đẩy phát triển công nghiệp và dịch vụ logistics.

So với các phương án khác, D thể hiện rõ mục tiêu tổng hợp và quan trọng nhất.

Câu 18. Đáp án A

Sự suy giảm sinh vật ở nước ta không có biểu hiện nào sau đây? Suy giảm thể trạng các loài.

Giải thích:

Suy giảm sinh vật thường biểu hiện ở:

- giảm số lượng loài,
- giảm số lượng cá thể,
- suy giảm tài nguyên rừng,
- mất nơi cư trú,
- suy giảm đa dạng sinh học.

“Suy giảm thể trạng các loài” không phải biểu hiện địa lí sinh học điển hình được nêu trong chương trình.

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai

Câu 1.**Dữ kiện:**

- Đông xuân: 3172,6 nghìn tấn; 476,9 nghìn ha
- Lúa mùa: 2637,8 nghìn tấn; 460,2 nghìn ha

a) Sai**Giải thích:**

So sánh sản lượng:

- Đông xuân: **3172,6 > 2637,8**

⇒ Lúa đông xuân **cao hơn**, không phải thấp hơn.

b) Đúng**Giải thích:**

Đồng bằng sông Hồng có:

- đất phù sa màu mỡ
- khí hậu nhiệt đới ẩm
- hệ thống sông ngòi dày đặc

⇒ rất thuận lợi cho trồng lúa.

c) Đúng**Giải thích:**

Năng suất = Sản lượng / Diện tích

$$\frac{3172,6}{476,9} \approx 6,66 \text{ tấn/ha} = 66,6 \text{ tạ/ha}$$

- Đông xuân:

$$\frac{2637,8}{460,2} \approx 5,73 \text{ tấn / ha} = 57,3 \text{ tạ / ha}$$

- Lúa mùa:

⇒ Đông xuân **cao hơn** → đúng.

d) Sai**Giải thích:**

Đồng bằng sông Hồng năng suất cao chủ yếu do:

- thâm canh
- giống tốt
- kỹ thuật

Không phải do **mở rộng diện tích** (vì diện tích hạn chế).

Câu 1: S – Đ – Đ – S**Câu 2.****Dữ liệu:**

- Trâu: 1,6 → 1,4 → 1,2 (giảm)
- Bò: 0,9 → 1,2 → 1,1 (tăng rồi giảm nhẹ)

a) Sai**Giải thích:**

- Trâu giảm liên tục
- Bò không tăng liên tục

⇒ Không thể nói “tăng nhanh”.

b) Đúng

Giải thích:

Có 2 đối tượng (trâu, bò) qua nhiều năm →

Biểu đồ phù hợp nhất: **cột ghép**

c) Đúng**Giải thích:**

• Trâu: giảm mạnh (1,6 → 1,2)

• Bò: tăng rồi giảm nhẹ

⇒ Tốc độ tăng trưởng của trâu **kém hơn** bò.

d) Sai**Giải thích:**

Nguyên nhân giảm trâu:

• cơ giới hóa nông nghiệp

• giảm nhu cầu sức kéo

Không phải chủ yếu do thiếu thức ăn.

Câu 2: S – Đ – Đ – S

Câu 3.**a) Sai****Giải thích:**

Giải pháp quan trọng nhất của ngành điện tử:

• công nghệ cao

• nhân lực chất lượng cao

• vốn đầu tư

Không phải chủ yếu là hạ tầng.

b) Đúng**Giải thích:**

Việt Nam thu hút FDI mạnh do:

• lao động trẻ

• dồi dào

• chi phí thấp

⇒ đúng.

c) Sai**Giải thích:**

Khó khăn chính:

• công nghệ phụ thuộc

• thiếu nhân lực chất lượng cao

Không phải do thiếu mặt bằng.

d) Đúng**Giải thích:**

Ngành điện tử – CNTT hiện nay là:

ngành công nghiệp mũi nhọn (xuất khẩu lớn, công nghệ cao)

Câu 3: S – Đ – S – Đ

Câu 4.**a) Sai****Giải thích:**

Gió mùa Đông Bắc:

• chủ yếu ảnh hưởng **miền Bắc và Bắc Trung Bộ**

Không hoạt động trên cả nước.

b) Đúng**Giải thích:**

Đầu mùa đông:

• gió từ lục địa → **lạnh, khô**

⇒ đúng.

c) Đúng**Giải thích:**

Mùa đông lạnh tạo điều kiện:

- trồng cây ôn đới, cận nhiệt (bắp cải, su hào...)

⇒ đúng.

d) Đúng

Giải thích:

Nguồn gốc: áp cao Xi-bia → thổi xuống Việt Nam theo từng đợt

⇒ đúng.

Câu 4: S – Đ – Đ – Đ

PHẦN III. Câu trắc nghiệm trả lời ngắn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6

Câu 1.

Năm 2024, tổng diện tích lúa đông xuân là $2954,1$ nghìn ha, sản lượng là $20333,9$ nghìn tấn.

Năng suất lúa đông xuân được tính bằng:

$$nang\ suat = \frac{san\ luong}{dien\ tich}$$

$$nang\ suat = \frac{20333,9}{2954,1} \approx 6,8826$$

Ta có: tấn/ha

Đổi ra tạ/ha: $6,8826 \text{ tấn/ha} = 68,826 \text{ tạ/ha}$

Làm tròn đến một chữ số thập phân: $68,8 \text{ tạ/ha}$

Câu 2.

Dân số:

Thành thị: $9233,3$ (nghìn người)

Nông thôn: $14499,1$ (nghìn người)

Bước 1. Tính tổng dân số

$$\text{Tổng} = 9233,3 + 14499,1 = 23732,4$$

Bước 2. Tính tỉ lệ dân số thành thị

$$= \frac{9233,3}{23732,4} \times 100 = 38,9\%$$

Kết luận

$38,9\%$

Câu 3.

Tính tốc độ tăng trưởng giai đoạn 2010 – 2024 theo công thức:

$$toc\ do\ tang\ truong = \frac{gia\ tri\ nam\ 2024}{gia\ tri\ nam\ 2010} \times 100\%$$

Cây ăn quả

$$tdtt_{cay\ an\ qua} = \frac{1297,7}{779,7} \times 100 \approx 166,43\%$$

Cây lâu năm

$$tdtt_{cay\ lau\ nam} = \frac{2168,8}{2010,5} \times 100 \approx 107,87\%$$

Mức cao hơn của cây ăn quả so với cây lâu năm là:

$$166,43 - 107,87 = 58,56\%$$

Làm tròn đến một chữ số thập phân: $58,6\%$

Câu 4.

Cán cân xuất nhập khẩu được tính bằng:

$$can\ can\ xuat\ nhap\ khau = xuat\ khau - nhap\ khau$$

Ta có: $405,9 - 381,0 = 24,9$ tỉ đô la Mỹ

Làm tròn đến hàng đơn vị: $24,9 \approx 25$

Nếu giữ đúng kết quả phép tính thì là: $24,9$ tỉ đô la Mỹ

Làm tròn: 25 tỉ đô la Mỹ

Câu 5.

Biên độ nhiệt năm được tính bằng:

$$\text{biên độ nhiệt} = \text{nhiệt độ cao nhất} - \text{nhiệt độ thấp nhất}$$

Từ bảng số liệu:

• Nhiệt độ cao nhất: $30,9^{\circ}\text{C}$

• Nhiệt độ thấp nhất: $18,4^{\circ}\text{C}$

Vậy: $30,9 - 18,4 = 12,5^{\circ}\text{C}$

Kết quả là: $12,5^{\circ}\text{C}$

Câu 6.

GDP dịch vụ được tính bằng:

$$GDP_{\text{dịch vụ}} = GDP_{\text{tổng}} \times \text{tỉ trọng}$$

Ta có: $GDP_{\text{dịch vụ}} = 11511,8 \times 42,4\%$

$= 11511,8 \times 0,424 \approx 4881,0032$ nghìn tỉ đồng

Làm tròn đến hàng đơn vị: 4881 nghìn tỉ đồng